

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1125/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 12 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Văn học Việt Nam

Tiếng Anh: Vietnames Literature

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Văn học Việt Nam

Mã ngành: 8220121

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Văn học Việt Nam

Định hướng đào tạo: Định hướng nghiên cứu

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo chuẩn: 02 năm

Vị trí việc làm: Thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Nghiên cứu sinh ngành Văn học Việt Nam hoặc ngành khác theo quy định.

Thời điểm xây dựng CTĐT: Tháng 6/2024.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam theo định hướng nghiên cứu giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, có tư duy phản biện, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học trong lĩnh vực văn học Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
PO1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp.
PO2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực văn học Việt Nam.
PO3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin một cách khoa học và tiên tiến.



PO4	Phát triển năng lực năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực văn học Việt Nam.
PO5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam.
PO6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực văn học Việt Nam.
PO7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về lĩnh vực văn học Việt Nam.
PO8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
(1) Phẩm chất công dân		
PLO1	Mẫu mực trong rèn luyện các phẩm chất căn cốt của con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế	PI 1.1: Thể hiện ý thức trách nhiệm cao với bản thân và cộng đồng.
		PI1.2. Đóng góp tích cực vào gìn giữ các nguyên tắc chung của cộng đồng.
		PI1.3. Độc lập và sáng tạo trong khám phá, đề xuất ý tưởng/cách tiếp cận/công nghệ mới.
		PI1.4. Thể hiện tinh thần hợp tác, cầu thị và cầu tiến.
(1) Phẩm chất nghề nghiệp		
PLO2	Thể hiện tư duy, thế giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu văn học Việt Nam	PI 2.1. Thể hiện tư duy, thế giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành Văn học Việt Nam.
		PI 2.2. Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kì đổi mới.
(3) Năng lực chung		

PL03	Giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ trong môi trường học thuật khoa học giáo dục Ngữ văn, công việc và xã hội	LI3.1. Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(4) Năng lực nghề nghiệp		
PL04	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam	PI4.1. Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam
		PI4.2. Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong quản lý hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam
PL05	Vận dụng được kiến thức sâu, rộng, tiên tiến thuộc chuyên ngành đào tạo và kiến thức cơ sở của các khoa học có liên quan vào hoạt động nghiên cứu văn học Việt Nam	PI5.1. Vận dụng được kiến thức sâu, rộng, tiên tiến thuộc chuyên ngành đào tạo để giải quyết vấn đề nghiên cứu văn học Việt Nam
		PI5.2. Phối hợp hợp lý giữa kiến thức chuyên ngành và kiến thức của các khoa học liên quan để giải quyết vấn đề nghiên cứu văn học Việt Nam
PL06	Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam	PI6.1. Đề xuất được vấn đề nghiên cứu trên cơ sở những thành tựu, tiến bộ và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu văn học Việt Nam
		PI6.2. Xây dựng được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu văn học Việt Nam
		PI6.3. Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết vấn đề nghiên cứu văn học Việt Nam
PL07	Phổ biến được kết quả nghiên cứu trong cộng đồng học thuật thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam	PI7.1. Xây dựng được báo cáo kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam của bản thân
		PI7.2. Trình bày được kết quả nghiên cứu trước hội đồng khoa học/nhóm học thuật thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam
PL08	Quản lý được việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam	PI8.1. Triển khai được cho các nhóm nghiên cứu thực hiện hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam

		PI8.2. Tổ chức được các hoạt động sinh hoạt học thuật chuyên ngành Văn học Việt Nam
		PI8.3. Đánh giá được kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực văn học Việt Nam

2.2. Ma trận chuẩn đầu ra - mục tiêu

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (định hướng nghiên cứu)							Tổng
		Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên							
		Kiến thức nền tảng	Kỹ năng chuyên sâu	Khả năng làm việc độc lập và sáng tạo	Tư duy phản biện	Năng lực hợp tác	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề	Triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu	
PLO1	PI1.1.			x		x			2
	PI1.2.					x			1
	PI1.3.			x					1
	PI1.4.					x			1
PLO2	PI2.1.	x			x				2
	PI2.2.	x			x				2
PLO3	PI3.1.					x			1
PLO4	PI4.1.		x	x				x	3
	PI4.2.							x	1
PLO5	PI5.1.	x						x	2
	PI5.2.	x						x	2
PLO6	PI6.1.						x		1
	PI6.2.		x	x			x	x	4
	PI6.3.		x	x			x	x	4
PLO7	PI7.1.		x					x	2
	PI7.2.		x					x	2
PLO8	PI8.1.				x	x	x	x	4
	PI8.2.		x			x		x	3
	PI8.3.		x					x	2
Tổng		4	7	5	3	6	4	11	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	11
I.1	Bắt buộc	4
I.2	Tự chọn	7
II	Kiến thức cơ sở ngành	14
II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn	8
III	Kiến thức chuyên ngành	23
III.1	Bắt buộc	18
III.2	Tự chọn	5
IV	Luận văn	12
	TỔNG	60

4. Chuẩn đầu vào

4.1. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4.2. Danh mục ngành phù hợp

- CNSP Ngữ văn
- CN Văn học

4.3. Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức

Ứng viên thuộc các ngành sau đây có thể tham gia thi/xét tuyển nhưng cần học bổ sung kiến thức:

- Sư phạm Văn - Sử, Văn - Địa, Văn – Giáo dục công dân.
- Cử nhân Ngôn ngữ học
- Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam
- Sáng tác văn học
- Văn hóa học
- Việt Nam học

Lưu ý: Các ngành khác sẽ do Hội đồng chuyên môn Ngành Văn học Việt Nam xem xét, quyết định.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Hoàn thành 03 chuyên đề nghiên cứu, mỗi chuyên đề nghiên cứu có khối lượng 04 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu trong thời gian ít nhất 06 tháng, kết quả được thể hiện bằng luận văn.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại Đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá luận văn

Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận văn. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; Luận văn được xếp loại Đạt khi điểm luận văn lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần học trước(1)/Tiên quyết(2)/Song hành(3)
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
I. Khối kiến thức chung			11						
I.1. Bắt buộc			4						
1	Triết học	PHI 502	4	42	36			122	
I.2. Tự chọn			7						

I.2.1. Nhóm 1: Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau)			7						
Tiếng Anh			7						
2	Tiếng Anh B2.1	ENG 101	4	30	60			110	
3	Tiếng Anh B2.2	ENG 102	3	30	30			90	(1)ENG 101
Tiếng Trung Quốc									
4	Tiếng Trung Quốc 1	CHI 101	4	30	60			110	(1)CHI 101
5	Tiếng Trung Quốc 2	CHI 102	3	30	30			90	(1)CHI 102
I.2.2. Nhóm 2 (Dành cho lưu học sinh)			7						
6	Tiếng Việt nâng cao	VIE 104	4	45	60			95	
7	Lịch sử, địa lí, văn hóa Việt Nam	VIE 105	3	30	30			90	
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			14						
II.1. Bắt buộc			6						
8	Ngôn ngữ và văn học	MLS201	3	30	30			90	
9	Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học	MVL202	3	30	30			90	
II.2. Tự chọn (chọn 4 trong số 12 học phần)			8						
10	Thi pháp học	MLT203	2	15	30			55	
11	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	MMP204	2	15	30			55	
12	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	MMP205	2	15	30			55	
13	Ứng dụng lí luận văn học trong dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	MLT206	2	15	30			55	
14	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	MLT207	2	15	30			55	
15	Chủ nghĩa hậu hiện đại	MLT208	2	15	30			55	
16	Những vấn đề lí luận của văn học so sánh	MLT209	2	15	30			55	
17	Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại	MVL210	2	15	30			55	

18	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945	MVL211	2	15	30			55	
19	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975	MVL212	2	15	30			55	
20	Những vấn đề hiện đại về ngôn ngữ, văn hóa và tư duy	MLS213	2	15	30			55	
21	Ngôn ngữ nghệ thuật	MLS214	2	15	30			55	
III. Khối kiến thức chuyên ngành			23						
III.1. Bắt buộc			18						
22	Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian	MVL301	3	30	30			90	
23	Văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa	MVL302	3	30	30			90	
24	<i>Chuyên đề nghiên cứu 1:</i> Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại	MVL303	4	15	30			155	
25	<i>Chuyên đề nghiên cứu 2:</i> Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	MVL304	4	15	30			155	
26	<i>Chuyên đề nghiên cứu 3:</i> Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1945	MVL305	4	15	30			155	
III.2. Tự chọn (Chọn 02 trong số 12 học phần với tổng tín chỉ là 05)			5						
27	Thi pháp truyện cổ tích	MVL306	3	30	30			90	
28	Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa	MVL307	3	30	30			90	
29	Truyền thống và cách tân trong phong trào Thơ mới 1932- 1945	MVL308	3	30	30			90	
30	Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại	MVL309	3	30	30			90	
31	Tác phẩm văn học chữ Hán ở trường trung học	MVL310	3	30	30			90	
32	Kịch Việt Nam hiện đại	MVL311	3	30	30			90	
33	Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại	MVL312	2	15	30			55	

34	Thơ Việt Nam 1945- 1975	MVL313	2	15	30			55	
35	Đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975	MVL314	2	15	30			55	
36	Tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX	MVL315	2	15	30			55	
37	Sự vận động của thể loại trong văn học Việt Nam thế kỉ XX	MVL316	2	15	30			55	
38	Các thể loại văn học Việt Nam trung đại	MVL317	2	15	30			55	
IV. Luận văn		MVL400	12						
TỔNG CỘNG:			60						

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra																		
	PLO1				PLO2		PL O3	PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8		
	PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 1.4	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3
PHI 502	T				T	T													
ENG 101							T												
ENG 102							T												
CHI 101							T												
CHI 102							T												
VIE 104	I	I	I	I					I	I									
VIE 105	I	I	I	I					I	I									
MLS201	I	I	I	I				I	I		T, A			I					
MVL202	I	I	I	I				I	I	T, A				I					
MLT203	I	I	I	I				I	I		T			I					
MMP204	I	I	I	I				I	I		T			I					
MMP205	I	I	I	I				I	I		T			I					
MLT206	I	I	I	I				I	I		T			I					
MLT207	I	I	I	I				I	I		T			I					
MVL208	I	I	I	I				I	I		T			I					
MLT209	I	I	I	I				I	I		T			I					
MVL210	I	I	I	I				I	I	T				I					
MVL211	I	I	I	I				I	I	T				I					
MVL212	I	I	I	I				I	I	T				I					
MLS213	I	I	I	I				I	I		T			I					
MLS214	I	I	I	I				I	I		T			I					
MVL301	I	I	I	I				I	I			T, A							

MVL302	I	I	I	I				I	I					T, A							
MVL303	I	I	I	I				I	I					T, A							
MVL304	I	I	I	I				I	I					T, A							
MVL305	I	I	I	I				I	I					T, A							
MVL306	I	I	I	I				I	I							T					
MVL307	I	I	I	I				I	I							T					
MVL308	I	I	I	I				I	I							T					
MVL309	I	I	I	I				I	I							T					
MVL310	I	I	I	I				I	I							T					
MVL311	I	I	I	I				I	I							T					
MVL312	I	I	I	I				I	I							T					
MVL313	I	I	I	I				I	I							T					
MVL314	I	I	I	I				I	I							T					
MVL315	I	I	I	I				I	I							T					
MVL316	I	I	I	I				I	I							T					
MVL317	I	I	I	I				I	I							T					
MVL400	I	I	I	I				I	I	T, A	T	T, A	T, A	T, A	T, A	T, A	T, A	T, A	I	I	I

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh B2.1

Tiếng Anh B2.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

8.3. Tiếng Anh B2.2

Tiếng Anh B2.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ và được giảng dạy sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

8.4. Tiếng Trung Quốc 1

Môn Tiếng Trung Quốc 1 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp (giáo trình HSK1 tiêu chuẩn), cung cấp cho người học cách đọc phiên âm, các nét cơ bản và quy tắc cơ bản của cách viết chữ Hán, biết cách viết chữ Hán đúng quy tắc đồng thời có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung. Người học biết cách sử dụng các từ vựng giai đoạn sơ cấp và các hiện tượng ngữ pháp căn bản. Số lượng từ vựng cần nắm được là 300-500 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

8.5. Tiếng Trung Quốc 2

Môn Tiếng Trung Quốc 2 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp các kiến thức (giáo trình HSK2 tiêu chuẩn), thông qua bài khóa, hội thoại và bài tập, sinh viên biết giao tiếp được những chủ đề thông thường trong cuộc sống như: giới thiệu gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống. Thông qua môn học này, người học sẽ nắm được các phần ngữ pháp trong tâm, câu đơn, câu phức, các loại bỏ ngữ... Học phần Tiếng Trung Quốc 2 là môn học tiếp nối học phần Tiếng Trung Quốc 1 giúp người học củng cố, phát triển kỹ năng và kiến thức. Số lượng từ vựng cần nắm được là 500-1272 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

8.6. Tiếng Việt nâng cao

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

8.7. Lịch sử, địa lý, văn hóa Việt Nam

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về vị trí địa lý và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

8.8. Ngôn ngữ và văn học

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mỹ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật*.

8.9. Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khoa học về phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học. Từ đó, người học có thể ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác gia, tác phẩm, đặc biệt là các tác phẩm văn học được giảng dạy trong trường phổ thông. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần *Ứng dụng lí luận văn học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Thi pháp học, Chủ nghĩa hậu hiện đại ...*

8.10. Thi pháp học

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lí luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học. Học phần cung cấp một hướng giải mã văn bản văn học, có mối quan hệ chặt chẽ với học phần *Ứng dụng lí luận văn học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Chủ nghĩa hậu hiện đại,...*

8.11. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về ngôn ngữ và văn học, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần chuyên ngành lí luận và PPDH bộ môn Văn – TV.

8.12. Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại

Học phần trang bị cho học viên những lí thuyết nền tảng của Lí luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lí thuyết khoa học và các kĩ năng phát triển chương trình, kĩ năng dạy học và phương pháp dạy học hiện đại hướng vào người học, hoạt động học tập và sự phát triển của người học. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; ...*

8.13. Ứng dụng lí luận văn học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo cao học Lí luận văn học bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học Ngữ văn trong các trường ĐHSP là giáo viên phổ thông và sinh viên sư phạm mới tốt nghiệp. Ở trình độ đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lí luận văn học. Khi học cao học, học viên sẽ tiếp tục được ứng dụng các lý thuyết lí luận văn học vào dạy học môn Ngữ văn. Từ đó, người học có thể phát triển chương trình học phần, thiết kế các nội dung giảng dạy và hiểu được cách

thức, phương pháp giảng dạy nội dung đó.

Học phần này thể hiện sự ứng dụng cụ thể của lý thuyết lí luận văn học vào dạy học Ngữ văn, do đó, nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học khác và những học phần thuộc về phương pháp giáo dục như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Thi pháp học, Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học, Kí hiệu học văn học...*

8.14. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn,*

8.15. Chủ nghĩa hậu hiện đại

Học phần giúp cho học viên: Tìm hiểu nguồn gốc và khái niệm chủ nghĩa hậu hiện đại; Tìm hiểu những đặc trưng của chủ nghĩa hậu hiện đại: tính chất huyền ảo; tính chất mảnh vỡ; sự lai ghép, đa trị; tính cực hạn; Tìm hiểu những thành tựu của một số tác gia tiêu biểu: Franz Kafka, Gabriel Garcia Marquez, Raymond Carver... Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Kí hiệu học văn học, Các trường phái nghiên cứu văn học.*

8.16. Những vấn đề lí luận của văn học so sánh

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lí luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lí luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh – một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao. Học phần có quan hệ chặt chẽ với học phần *Ứng dụng lí luận văn học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường Phổ thông...*

8.17. Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí luận văn học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường Phổ thông...*

8.18. Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945

Học phần tiếp tục mở rộng, đào sâu phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930 -1945; nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện

đại trong trường THPT; phát triển các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí luận văn học trong dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Thi pháp học,...*

8.19. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975

Học phần bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; phát triển những kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí luận văn học trong dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Chủ nghĩa hậu hiện đại, ...*

8.20. Những vấn đề hiện đại về ngôn ngữ, văn hóa và tư duy

Học phần trang bị cho người học những tri thức mở rộng và nâng cao về mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy, bao gồm các vấn đề như: Đặc điểm “Sự phạm trú hoá hiện thực” và “Bức tranh ngôn ngữ về thế giới”; Đặc điểm dân tộc của định danh ngôn ngữ; Cấu trúc ngữ nghĩa của các trường từ vựng; Đặc điểm quá trình chuyển nghĩa; Đặc điểm sử dụng biểu trưng các đối tượng; Đặc điểm chung của tư duy ngôn ngữ ở người Việt... Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần *Ngôn ngữ và văn học, Ngôn ngữ nghệ thuật, ...*

8.21. Ngôn ngữ nghệ thuật

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật* cung cấp cho học viên Cao học ngành LL và PPDH bộ môn văn – tiếng Việt các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lí thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lí thuyết tín hiệu học và lí thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lí học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Ngôn ngữ và văn học, Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, ...*

8.22. Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian

Học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản: Xác định hệ thống phương pháp phổ biến và đặc thù trong nghiên cứu văn học dân gian; Giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu: phương pháp điền dã, phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp so sánh loại hình,

phương pháp liên ngành; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu trên trong khai thác đề tài văn học dân gian. Ngoài giờ lí thuyết, học viên còn có khối lượng giờ tự học tự nghiên cứu thông qua các vấn đề có tính gợi mở để nâng cao kiến thức, phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu tác phẩm, thể loại văn học dân gian. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Nghiên cứu văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa, Thi pháp truyện cổ tích, ...*

8.23. Văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa

Học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản: Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học dân gian; Những biểu hiện cụ thể của văn hóa trong văn học dân gian; Xác định và giải mã các yếu tố văn hóa trong văn học dân gian qua một số trường hợp cụ thể... Ngoài giờ lí thuyết, học viên còn có khối lượng giờ tự học tự nghiên cứu thông qua các vấn đề có tính gợi mở để nâng cao kiến thức, kĩ năng tiếp nhận, nghiên cứu tác phẩm, thể loại văn học dân gian từ góc độ văn hóa. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian, Thi pháp truyện cổ tích, ...*

8.24. Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại

Học phần tập trung vào việc giới thiệu các phương pháp nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại. Từ đó, ứng dụng vào nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại, ...*

8.25. Những vấn đề cơ bản của Văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1945

Học phần mở rộng, đào sâu những vấn đề văn học Việt Nam, chú trọng đến những vấn đề, các hiện tượng - sự kiện quan trọng để tạo một cách nhìn mới, hệ thống và có chiều sâu bổ sung cho kiến thức văn học sử; bổ sung, cập nhật những tư liệu mới, những kết quả nghiên cứu mới về giai đoạn văn học này. Học phần này cũng hướng dẫn và phát triển tư duy khoa học về các vấn đề văn học sử, lí luận văn học (văn học và tiếp nhận; văn học và xã hội; năng lực nội sinh và những ảnh hưởng ngoại nhập; văn học và văn hóa...), phát triển các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn học sử, nâng cao trình độ giảng dạy của học viên. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945...*

8.26. Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1945

Môn học trang bị cho học viên tổng quan về hình nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu và quan điểm đánh giá văn học Việt Nam sau 1945. Từ đó, xác định quan điểm khoa học trong tiếp cận và đánh giá một số vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam sau 1945:

đặc trưng cơ bản, quan niệm nghệ thuật về con người, sự vận động và thành tựu của các thể loại chính. Từ đó, học viên vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy về tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam sau 1945. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

8.27. Thi pháp truyện cổ tích

Giới thiệu chuyên sâu đặc điểm thi pháp truyện cổ tích. Đây là thể loại được đánh giá là lớn bậc nhất trong loại hình tự sự dân gian, bao gồm các tiểu loại: truyện cổ tích loài vật, truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích sinh hoạt. Với mỗi tiểu loại cổ tích, học phần tập trung nhận diện và phân tích những đặc điểm riêng trên các phương diện: nhân vật, xung đột, kết cấu, không – thời gian nghệ thuật... Ngoài giờ lí thuyết trên lớp, học viên được định hướng tự học tự nghiên cứu để mở rộng và nâng cao kiến thức về thi pháp truyện cổ tích. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian, Nghiên cứu văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa, ...*

8.28. Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa

Học phần trình bày lí thuyết tiếp cận văn hoá học và ứng dụng lí thuyết vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại, chỉ ra sự cần thiết ứng dụng các tri thức văn hoá vào giải mã tác phẩm văn học trên các cấp độ khác nhau. Từ đó, áp dụng phân tích các tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại, đặc biệt là *Truyện Kiều* và các tác phẩm được giảng dạy trong chương trình phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại, ...*

8.29. Truyền thống và cách tân trong phong trào Thơ mới

Học phần này nghiên cứu mở rộng, đào sâu những vấn đề về phong trào Thơ mới mà học viên ngành sư phạm Ngữ văn đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là: Bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; nâng cao hơn nữa trình độ nghiên cứu và giảng dạy phần Thơ mới ở môn Ngữ văn trong trường THPT. Sau khi tiếp cận học phần này, học viên Cao học sẽ phát triển được những kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề Thơ mới một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Những vấn đề cơ bản của Văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1945, Thơ Việt Nam 1945-1975, ...*

8.30. Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại

Học phần có cái nhìn khái quát và chuyên sâu về thể loại truyện thơ Nôm/ *Truyện Kiều*; mối quan hệ truyện thơ Nôm và *Truyện Kiều* đối với truyền thống tự sự bằng văn vần trong văn học Đông Nam Á; mối quan hệ truyện thơ Nôm và *Truyện Kiều* từ sự tiếp

biến văn học Trung Hoa thời trung đại; vấn đề phân loại; những chủ đề chính, những đặc trưng thi pháp cơ bản (kết cấu cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, thời gian không gian nghệ thuật... trong mối quan hệ chặt chẽ với nội dung tác phẩm; gợi mở vấn đề nghiên cứu, giảng dạy truyện thơ Nôm/ *Truyện Kiều* trong nhà trường). Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại, ...*

8.31. Tác phẩm văn học chữ Hán ở trường trung học

Trên cơ sở các tư liệu về văn bản các tác phẩm văn học chữ Hán ở phổ thông (hệ thống dị bản, bản sao, bản dịch) tiến hành phân tích, so sánh, đối chiếu, biện luận để tìm ra một văn bản có tính quy phạm, khả dĩ phản ánh trung thực nhất ý đồ của người tạo tác ra văn bản. Từ đó, căn cứ vào chữ nghĩa của văn bản, tiến hành giải thích, phân tích văn bản một cách chi tiết, nhằm cung cấp những định hướng cho tìm hiểu, giảng dạy các phương diện giá trị của tác phẩm. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại; Những vấn đề của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945, ...*

8.32. Kịch Việt Nam hiện đại

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kịch Việt Nam hiện đại. Thấy được sự vận động, phát triển mang tính quy luật của kịch qua các giai đoạn; Thấy rõ đặc sắc kịch Việt Nam qua từng giai đoạn phát triển, tư tưởng chủ đạo và những thành tựu tiêu biểu của kịch Việt Nam; Những đóng góp của một số kịch gia tiêu biểu trong quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

8.33. Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại

Học phần trình bày một cách khái quát và chuyên sâu những vấn đề xoay quanh các thể loại văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; những đặc điểm nội dung và thi pháp của từng thể loại; văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại trong mối quan hệ văn xuôi tự sự khu vực Đông Á. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại dưới góc nhìn văn hóa; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại; Các thể loại văn học Việt Nam trung đại, ...*

8.34. Thơ Việt Nam 1945-1975

Học phần này nghiên cứu mở rộng, chuyên sâu những vấn đề về thơ Việt Nam mà học viên đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là: Bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; nâng cao trình độ

nghiên cứu và giảng dạy phần thơ Việt Nam giai đoạn 1945 -1975 trong chương trình Ngữ văn ở trường THPT. Sau khi học học phần này, học viên cao học sẽ phát triển được những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Truyền thống và cách tân trong phong trào Thơ mới, Những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1945, ...*

8.35. Đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975

Môn học trang bị cho học viên kiến thức sâu rộng về bức tranh toàn cảnh của đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975: quá trình vận động, phát triển, những khuynh hướng chủ yếu, những đổi mới cơ bản về tư tưởng và hình thức nghệ thuật, tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những đóng góp của văn xuôi sau 1975 đối với tiến trình văn học Việt Nam. Từ đó, học viên vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu về tác giả, tác phẩm văn xuôi Việt Nam sau 1975. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

8.39. Tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX

Môn học trang bị cho học viên tri thức chuyên sâu về thể loại tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX ở các phương diện: quá trình vận động, phát triển, đặc điểm, thành tựu, tác giả, tác phẩm tiêu biểu, sự đa dạng về bút pháp... Người học đánh giá được vị trí và đóng góp quan trọng của thể loại tiểu thuyết Việt Nam nửa sau thế kỉ XX đối với tiến trình văn học dân tộc. Từ đó, người học có kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về đặc trưng thể loại tiểu thuyết hiện đại. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

8.36. Sự vận động của thể loại trong văn học Việt Nam thế kỉ XX

Môn học trang bị cho học viên tri thức sâu rộng về sự ổn định và vận động biến đổi của hệ thống thể loại trong văn học Việt Nam thế kỉ XX. Người học hiểu và có cái nhìn tổng quát về đời sống thể loại trong liên hệ với hoàn cảnh xã hội và quan niệm văn hóa, thẩm mỹ của thời đại. Từ đó, người học có phương pháp, kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam thế kỉ XX theo đặc trưng thể loại. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác về văn học Việt Nam hiện đại.

8.37. Các thể loại văn học Việt Nam trung đại

Chuyên đề nhấn mạnh những đặc điểm về quan niệm văn chương; tìm hiểu toàn diện, chuyên sâu đặc điểm các thể loại văn học Việt Nam trung đại; thành tựu sáng tác những tác giả tác phẩm tiêu biểu. Chuyên đề gợi mở những vấn đề khoa học và rèn kỹ năng tiếp cận nghiên cứu tác phẩm văn học Việt Nam trung đại. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại; Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; Truyện Kiều và thể loại truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam trung đại, ...*

8.38. Luận văn

Học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu, kết quả được thể hiện bằng luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Văn học Việt Nam.

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được

phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.1.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.4. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Huy

